TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH KIÊN GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2020/DS-PT
Ngày: 26/10/2020.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi và vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Huyến

Ông Trần Bình Đảo

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2020/TLPT-DS ngày 7 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phùng Dạ T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Trung tâm Thương mại T, khu phố M, phường B, thành phố T, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Văn Thúy Q, sinh năm 1977.

Địa chỉ: đường L, khu phố M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: đường T, khu phố N, phường B, thành phố T, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lâm Kiều O, sinh năm 1979. Địa chỉ: đường L, khu phố M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Quách Hữu C, sinh năm 1979. Địa chỉ: đường B, khu phố M, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Văn Thúy Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phùng Dạ T trình bày: Vào ngày 21 tháng 12 năm 2012 (âm lịch) bà có khui dây hụi 3.000.000 đồng, có 37 phần, 10 ngày khui 01 lần, bà Q tham gia 03 phần, ngày 21/12/2012 (âm lịch) bà Q hốt 02 phần, việc bà Q hốt 02 phần tại kỳ khui hụi đầu tiên là như sau: 01 phần do bà Q ăn hụi để hốt với giá 600.000 đồng, tiền hụi hốt được 84.900.000 đồng, phần còn lại trên cơ sở ăn hụi với giá 600.000 đồng, bà Q kêu bán phần này vì cần khoản tiền lớn hơn để xoay sở việc làm ăn, thấy vậy bà có kêu bán cho bà Q và được người khác mua lại với giá 84.900.000 đồng; đến ngày 30/12/2012 (âm lịch) bà Q hốt hết phần còn, ăn hụi với giá 685.000 đồng (cụ thể: 3.000.000đ - 685.000đ x 35 phần + 3.000.000đ - 1.500.000đ tiền cò = 82.525.000 đồng), bà Q có đóng hụi cho bà được 16 kỳ của 3 phần hụi và còn nợ lại 21 kỳ tương đương 189.000.000 đồng. Dây hụi này đã kết thúc vào ngày 20/12/2013 âm lịch.

- Dây hụi ngày giá 100.000 đồng, được khui ngày 01/4/2013 (âl), 65 phần (giao đủ 65 phần), bà Q chơi 10 phần; bà Q hốt đầu hết 10 phần được (65 x 90.0000đ – 100.000đ x 10 phần = 57.750.000 đồng), dây hụi này bà Q đóng đến ngày 21/5/2013 (âl) ngưng đóng và nợ lại bà 19.000.000 đồng, dây hụi này đã kết thúc vào ngày 30/4/2013 âm lịch.

- Dây hụi ngày giá 100.000 đồng, được khui ngày 27/4/2013 (âl), 68 phần (giao đủ 68 phần), bà Q tham gia 15 phần, hốt đầu hết 15 phần được (68 x 90.0000đ – 100.000đ x 15 phần = 90.300.000 đồng), sau đó bà Q đóng được 20 ngày thì ngưng đóng (từ ngày 17/5/2013 âl) và nợ lại 72.000.000 đồng, dây hụi này đã kết thúc vào ngày 06/7/2013 âm lịch.

- Dây hụi ngày giá 100.000 đồng, được khui ngày 13/5/2013 (âl), 68 phần (giao đủ 68 phần), bà Q tham gia 10 phần, hốt đầu hết 10 phần được (68 x 90.0000đ – 100.000đ x 10 phần = 60.200.000 đồng), sau đó bà Q đóng được 05 ngày thì ngưng đóng (từ ngày 19/5/2013 âl) và nợ lại bà 63.000.000 đồng, dây hụi này đã kết thúc vào ngày 20/7/2013 âm lịch.

Thời gian sau này khi bà Q không đóng hụi chết thì bà phải đóng giùm hụi cho bà Q, tổng cộng bà đã đóng thay tiền nợ hụi của bà Q là 343.000.000 đồng.

Vào khoảng tháng 5/2013 (âm lịch) bà Q có hỏi vay bà số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 3.000.000 đồng/tháng, quá trình vay thì bà Q không có đóng lãi và bà phải trả lãi thay bà Q là 3 tháng tương đương 9.000.000 đồng, đến ngày 16/8/2013 (âm lịch) giữa bà với bà Q có kết lại khoản tiền vay, tổng cộng bà Q nợ tiền vay là 59.000.000 đồng. Vào ngày 24/6/2014 (âm lịch) bà và bà Q có kết sổ lại các khoản nợ hụi và nợ vay, tổng cộng là 402.000.000 đồng. Sau đó bà Q có trả dần tính đến ngày 22/8/2019 còn nợ lại tiền gốc là 353.500.000 đồng và tiền lãi 12%/tháng tính từ ngày 20/12/2013 AL đến ngày 22/8/2019 DL là 330.424.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi bà Q còn nợ 683.924.000 đồng, ngày 22/8/2019 trả

100.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q trả cho bà số tiền là 583.924.000 đồng.

Nhưng sau đó tính toán lại bà Q còn nợ lại bà số tiền gốc của tiền hụi và tiền vay tính đến ngày 22/8/2019 là 248.200.000 đồng. Ngày 19/6/2020 bà Q có trả cho bà được 100.000.000 đồng, nên cùng ngày bà gửi đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 411.224.000 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q trả tiền nợ cho bà là 172.700.000 đồng (gồm tiền vay 50.000.000 đồng, tiền hụi 98.200.000 đồng và tiền lãi 24.500.000 đồng).

** Bị đơn bà Văn Thúy Q trình bày*: Bà hoàn toàn thống nhất với trình bày của bà T về việc chơi hụi và vay nợ 50.000.000 đồng như nói ở trên và thống nhất hiện nay còn nợ bà Phùng Dạ T tiền gốc là 148.200.000 đồng. Đối với khoản nợ này thì bà xin được trả dần hàng tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đối với yêu cầu tính lãi mà bà T yêu cầu ở trên thì không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Kiều O vắng mặt tại phiên tòa*: Trong các lần hòa giải tại Tòa án, bà O trình bày, vào ngày 22/8/2019 bà có nhận sang nhượng căn nhà gắn liền với đất tại thửa số 166, tờ bản đồ ĐH-19, loại đất ở, diện tích 35,5m^2 của bà Văn Thúy Q, sau khi thống nhất 02 bên đến Văn phòng công chứng Đ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng QSD đất vào ngày 22/8/2019 để sang nhượng phần tài sản nói trên, đến tháng 9/2019 bà Phùng Dạ T có khiếu nại và yêu cầu cấm chuyển dịch tài sản của bà Văn Thúy Q do bà Q còn nợ tiền của bà T nên ngày 16/9/2019 Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT, nay bà yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ án và bảo đảm quyền lợi cho bà theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Hữu C trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến của vợ ông là bà Lâm Kiều O, ngoài ra không còn ý kiến nào khác.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Tuyên xử:

1. Buộc bà Văn Thúy Q phải trả số tiền nợ cho bà Phùng Dạ T số tiền là 161.420.800đ (Một trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai chục ngàn tám trăm đồng), trong đó tiền vay gốc là 50.000.000đ, tiền hụi gốc là 98.200.000đ, tiền lãi của tiền vay và tiền hụi là 22.220.800đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện một phần về tiền nợ hụi, tiền lãi số tiền là 411.224.000đ theo đơn khởi kiện của bà Phùng Dạ T ký ngày 22/8/2019 kiện bà Văn Thúy Q, do nguyên đơn rút một phần khởi kiện.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Giữ nguyên Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 22/6/2020 Tòa án nhân dân thành phố T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 21/7/2020, bị đơn bà Văn Thị Q có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét:

Không thừa nhận khoản tiền vay 50.000.000 đồng. Do khoản tiền này đã nhập chung trong khoản nợ 402.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi. Thừa nhận khoản nợ 148.200.000 đồng và xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Phùng Dạ T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Q trả số tiền hụi và nợ vay là 148.200.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, tiền hụi gốc là 98.200.000 đồng, không yêu cầu bà Q trả số tiền lãi là 22.220.800 đồng. Yêu cầu bà Q trả hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn bà Văn Thúy Q thống nhất theo yêu cầu của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Kiều O, ông Quách Hữu C có đơn xin vắng mặt. Áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà O, ông C theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà T và bị đơn bà Q thống nhất về nội dung: bà Q còn nợ bà T số tiền hụi gốc 98.200.000 đồng và tiền vay là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 148.200.000 đồng, bà T không yêu cầu bà Q trả số tiền lãi 22.220.800 đồng; Bà T thống nhất cho bà Q trả mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, thời điểm bắt đầu trả nợ được tính từ ngày 26/11/2020.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Văn Thúy Q. Sửa bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

[3] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Q phải chịu án phí số tiền 148.200.000đ x 5% = 7.410.000đ.

Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí 13.678.480đ đã nộp theo biên lai số 0004779 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Án phí dân sự phúc thẩm: do thỏa thuận tại phiên tòa nên bà Văn Thúy Q phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào biên lai tạm ứng số 0003744 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 và khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Văn Thúy Q.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Phùng Dạ T và bà Văn Thúy Q về việc: bà Phùng Dạ T yêu cầu bà Văn Thúy Q phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Phùng Dạ T tổng số tiền 148.200.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó tiền vay gốc là 50.000.000đ, tiền hụi gốc là 98.200.000đ. Bà Q được trả mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ, thời điểm trả nợ tính từ ngày 26/11/2020.

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Văn Thúy Q phải chịu án phí số tiền 148.200.000đ x 5% = 7.410.000đ.

Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí 13.678.480đ đã nộp theo biên lai số 0004779 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Văn Thúy Q phải chịu án phí là 300.000 đồng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng số 0003744 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T số tiền là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố T;
- THA dân sự thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quang Tấn